

ĐẠI BẢO QUẢNG BÁC LÂU CÁC THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI KINH CHÂN NGÔN

Soạn dịch: HUYỀN THANH

I_ Quyển Thượng:

1_ Cảnh Giác Đà La Ni:

**NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYO ME TIṢṬATI DAŚA DIŚE
OM_ MAṆI-VAJRA-HṚDAYA VAJRE MĀRA-SAINYA VIDRĀPALO
HAṆA HANA VAJRA-GARBHA TRĀSAYA TRĀSAYA_ SARVA MĀRA
BHAVANĀNI HŪM HŪM SAMDHARA SAMDHARA BUDDHĀ-MAITRĪ
SARVA TATHĀGATA-VAJRA-GARBHA ADHIṢṬITE SVĀHĀ**

NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYO ME TIṢṬATI DAŚA-DIŚE: Con quy mệnh tất cả các Như Lai hiện ở mười phương

OM: nhiếp triệu

MAṆI-VAJRA-HṚDAYA VAJRE: như sự bền chắc không bị hủy hoại của Tâm Ma Ni Kim Cương

MĀRA-SAINYA VIDRĀPALO HANA HANA: đánh đập 2 phương hướng đào thoát của quân Ma

VAJRA-GARBHA: Kim Cương Tạng

TRĀSAYA TRĀSAYA: khủng bố nội chướng và ngoại chướng

SARVA-MĀRA BHAVANĀNI: thoát khỏi tất cả Ma

HŪM HŪM: quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

SAMDHARA SAMDHARA: Chân chính gìn giữ 2 loại Phước Trí

BUDDHĀ-MAITRĪ: lòng Từ của Phật

SARVA TATHĀGATA-VAJRA-GARBHA ADHIṢṬITE: Tất cả Như Lai Kim Cương Tạng gia trì

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

2_ Cảnh Giác Đại Minh Đà La Ni:

**OM_ SARVA TATHĀGATA-MAṆI ŚATRI DĪPTO JVALE JVALE
DHARMA-DHĀTU-GARBHE MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI TATHĀGATA-
HṚDAYA MAṆI SVĀHĀ**

OM: Nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-MAṆI ŚATRI DĪPTO: Ngọn đèn cộng đồng Ma Ni của tất cả Như Lai

JVALE JVALE: như ánh lửa tỏa sáng soi chiếu khắp bên trong và bên ngoài

DHARMA-DHĀTU-GARBHE: như Pháp Giới Tạng

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI: Ma Ni, Ma Ni, Đại Ma Ni... biểu thị cho Phước Trí của 3 Thừa

TATHĀGATA- HṚDAYA MAṆI SVĀHĀ: Quyết định thành tựu viên ngọc Ma Ni (tức Phước Trí) của Tâm Như Lai

3_ Đại Bảo Quảng Bác Lâu Các Thiện Trụ Bí Mật Căn Bản Đà La Ni:

**NAMAḤ SARVA-TATHĀGATĀNĀM _ OM_ VIPULA-GARBHE
MAṆI-PRABHE TATHĀTA NIDARŚANE MAṆI MAṆI SUPRABHE**

**VIMALE SĀGARA-GAMBHĪRE HŪM HŪM JVALA JVALA BUDDHĀ-
VILOKITE GUHYA-ADHIṢṬITA-GARBHE SVĀHĀ**

NAMAḤ SARVA TATHĀGATĀNĀM: Quy mệnh tất cả các Như Lai

OM: nhiếp triệu

VIPULA-GARBHE: như Quảng Bác Tạng

MAṆI-PRABHE: như ánh sáng của viên ngọc Ma Ni

TATHĀTA NIDARŚANE: như quán sát Chân Như

MAṆI MAṆI: Ma Ni, Ma Ni... biểu thị cho Phước Trí

SUPRABHE: như ánh sáng màu nhiệm

VIMALE SĀGARA-GAMBHĪRE: như biển sâu thanh tịnh

HŪM HŪM: quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

JVALA JVALA: uy quang tỏa sáng khắp trong ngoài

BUDDHĀ-VILOKITE : như Phật quán chiếu

GUHYA-ADHIṢṬITA-GARBHE: như Tạng gia trì bí mật

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

4_ Tâm Đà La Ni:

OM_ MAṆI VAJRE HŪM

OM: nhiếp triệu

MAṆI VAJRE: Như Ma Ni Kim Cương

HŪM: thành tựu Tâm Bồ Đề

5_ Tùy Tâm Đà La Ni:

OM_ MANI-DHĀRE HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

MANI-DHĀRE: như cầm giữ viên ngọc Như Ý

HŪM PHAṬ: khùng bố phá bại mọi chướng ngại

II_ Quyển Trung:

1_ Tọa Chân Ngôn:

OM_ MAṆI KUṆḌALI HŪM HŪM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

MAṆI KUṆḌALI: Ma Ni Quân Trà Lợi

HŪM HŪM: Khùng bồ 2 chướng trong ngoài

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

2_ Kết Đàn Giới Chân Ngôn:

OM_ MAṆI VIJAYE DHARA DHARA HŪM SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

MAṆI VIJAYE: như sự tối thắng của viên ngọc Như Ý

DHARA DHARA: gìn giữ trong ngoài

HŪM: khùng bố chướng ngại

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

3_ Kết Thập Phương Giới Chân Ngôn:

OM_ JVALITA MAṆI RUCIRĀŚYĀṆĪ HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

JVALITA: ánh sáng rực rỡ

Ý
MAṆI RUCIRĀŚYĀṆI : sự lưu chuyển ánh sáng màu nhiệm của viên ngọc Như

HŪM HŪM : khủng bố 2 chướng trong ngoài
PHATḤ : phá bại mọi chướng ngại

4_ Tịch Tỳ Na Dạ Ca Chân Ngôn:

OM_ MAṆI PRABHĀ VATI HARA HARA HŪM HŪM PHATḤ
SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

MAṆI PRABHĀ VATI: đầy đủ ánh sáng của viên ngọc Như Ý

HARA HARA: khử trừ hai chướng trong ngoài

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHATḤ: phá bại chướng nạn

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

5_ Đỉnh Kê Chân Ngôn:

OM_ VAJRA MAṆI TIṢṬA TIṢṬA HŪM HŪM PHATḤ

OM: nhiếp triệu

VAJRA MAṆI: Kim Cương Ma Ni

TIṢṬA TIṢṬA: an trụ, an trụ

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHATḤ: phá bại chướng nạn

6_ Gia Trì Y Chân Ngôn:

OM_ MAṆI VIPULE DHĀRI DHĪRI HŪM PHATḤ

OM: nhiếp triệu

MAṆI VIPULE: như sự rộng lớn của viên ngọc Như Ý

DHĀRI DHĪRI: trì giữ bền chắc

HŪM PHATḤ: khủng bố phá bại mọi chướng ngại

7_ Tây Thấu Chân Ngôn:

OM_ VIDYU VATI HARA HARA MAHĀ-MAṆI HŪM HŪM PHATḤ

OM: nhiếp triệu

VIDYU VATI: đầy đủ ánh sáng điện

HARA HARA: khử trừ hai chướng trong ngoài

MAHĀ-MAṆI: Đại Ma Ni, viên ngọc Như Ý to lớn

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHATḤ: phá bại chướng nạn

8_ Tây Dục Chân Ngôn:

OM_ SU-NIRMALA VATI HARA HARA PĀPAM MILI MILI HŪM
SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

SU-NIRMALA VATI: đầy đủ sự trong sạch màu nhiệm

HARA HARA: khử trừ sự dơ bẩn trong ngoài

PĀPAM MILI MILI: tiêu trừ tội lỗi trong ngoài

HŪM: khủng bố chướng ngại

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

9_ Hộ Chân Ngôn:

OM_ MAṆI DHĀRE HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

MAṆI DHĀRE: như cầm giữ viên ngọc Như ý

HŪM HŪM: khùng bố 2 chướng trong ngoài

PHAṬ: phá bại chướng nạn

10_ Thần Tuyền Chân Ngôn:

OM_ DHĪRI DHĪRI VIMALA KARI HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

DHĪRI DHĪRI: khéo léo bền chắc

HŪM HŪM: khùng bố 2 chướng trong ngoài

PHAṬ: phá bại chướng nạn

11_ Hiến Hoa Chân Ngôn:

OM_ SARVA TATHĀGATA-PŪJA MAṆI HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-PŪJA: cúng dường tất cả Như Lai

MAṆI: như viên ngọc Như Ý

HŪM HŪM: Quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

12_ Đồ Hương Chân Ngôn:

OM_ SARVA TATHĀGATA-GANDHA MAṆI SPHARAṆA HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-GANDHA: hương xoa bôi của tất cả Như Lai

MAṆI SPHARAṆA: như viên ngọc Như Ý giăng dũi khắp cả

HŪM: quyết định thành tựu

13_ Thiêu Hương Chân Ngôn:

OM_ JVALITA MAṆI ABHRAKŪṬA SPHARAṆA VIGATI HŪM

OM: nhiếp triệu

JVALITA MAṆI : viên ngọc Như Ý tỏa sáng rực rỡ

ABHRAKŪṬA SPHARAṆA VIGATI: như lớp mây hợp tràn đầy khắp cả mọi

lỗi nẻo

HŪM: quyết định thành tựu

14_ Đấng Chân Ngôn:

OM_ JVALITA ŚIKHARE DHAVARE HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

JVALITA ŚIKHARE: như đỉnh đầu tỏa sáng rực rỡ

DHAVARE: như số lượng rất lớn

HŪM HŪM: khùng bố 2 chướng trong ngoài

PHAṬ: phá bại chướng nạn

15_ Hiến Thực Chân Ngôn:

OM_ PRAVARĀGRA VATI SARA SARA HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

PRAVARĀGRA VATI: đầy đủ sự tối diệu thượng diệu
SARA SARA: lưu chuyển trong ngoài
HŪM HŪM: thành tựu 2 loại cúng dường

16_ Hiến Át Già Chân Ngôn:

OM_ MAHĀ-MANĪ PŪRAYA DHARA DHARA HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

MAHĀ-MANĪ PŪRAYA: đầy đủ Đại Ma Ni

DHARA DHARA: trì giữ trong ngoài

HŪM HŪM: thành tựu 2 loại cúng dường

17_ Phụng Hiến Cúng Dường Vật với Thực Đẳng Chân Ngôn:

OM_ MAHĀ-MANĪ VIMALE HŪM HŪM BHARA BHARA HŪM

OM: nhiếp triệu

MAHĀ-MANĪ VIMALE: như sự thanh tịnh của Đại Ma Ni

HŪM HŪM: thành tựu 2 loại cúng dường

BHARA BHARA: nhận làm 2 loại cúng dường

HŪM: quyết định thành tựu

18_ Hộ Ma Chân Ngôn:

OM_ JVALA SPHARA GAGANA PRATĀRAṆĪ HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

JVALA SPHARA GAGANA: uy quang tràn khắp hư không

PRATĀRAṆĪ: cứu độ thẳng thượng

HŪM HŪM: khứng bố 2 loại chướng ngại

19_ Gia Trì Niệm Châu Chân Ngôn:

OM_ RUCIRA MAṆĪ PRAVARTTAYA HŪM

OM: nhiếp triệu

RUCIRA MAṆĪ: viên ngọc Như Ý tỏa sáng màu nhiệm

PRAVARTTAYA HŪM: vận chuyển thành tựu

20_ Niệm Tụng Thời Chân Ngôn:

OM- VAJRA-MANĪ KARA KIMKARI HŪM HŪM PHAT

OM: nhiếp triệu

VAJRA-MANĪ: Kim Cương Ma Ni

KARA KIMKARI: tạo làm Nữ Sứ Giả

HŪM HŪM: khứng bố 2 chướng trong ngoài

PHAT: phá bại chướng nạn

21_ Kiết Già Tọa Chân Ngôn:

OM_ SU-PRAVARTITA VEGE MAṆĪ MAṆĪ SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

SU-PRAVARTITA VEGE: như sự mau chóng vận chuyển màu nhiệm

MAṆĪ MAṆĪ: Ma Ni, Ma Ni... biểu thị cho Phước Trí

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

22_ Cảnh Giác Nhất Thiết Như Lai Chân Ngôn:

**OM_ SARVA-TATHĀGATA VĀYU JAVA TARA TARA HŪM MAṆĪ
KĀNANE SVĀHĀ**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA VĀYU: ngọn gió của tất cả Như Lai

JAVA: mau chóng

TARA TARA: cứu độ cho con và chúng sinh

HŪM: thành tựu

MAṆI KĀNANE: như rừng cây rậm rạp của viên ngọc Như Ý

SVĀHĀ: quyết định thành tựu

23_ Thỉnh Nhất Thiết Như Lai Chân Ngôn:

OM_ SUVIPULA PRAVARE DHURU DHURU HŪM

OM: nhiếp triệu

SUVIPULA PRAVARE: như sự thắng diệu rộng lớn màu nhiệm

DHURU DHURU: lóe sáng, gom giữ tiêu đề

HŪM: quyết định thành tựu

24_ Cầu Nguyện Chân Ngôn:

**OM_ SARVA-TATHĀGATA ADHIṢṬANA CITTA SARA KṢAṆA
VAJRE HŪM HŪM**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA ADHIṢṬANA: tất cả Như Lai gia trì Tâm

CITTA SARA KṢAṆA: Sát Na lưu chuyển của Tâm

VAJRE: như Kim Cương

HŪM HŪM: khủng bố 2 loại chướng ngại trong ngoài

25_ Cầu Bồ Tát Nguyện Chân Ngôn:

OM_ SUVIPULA VADANE HARA HARA HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SUVIPULA VADANE: như dung nhan rộng lớn màu nhiệm

HARA HARA: khử trừ sự dơ bẩn trong ngoài

HŪM HŪM: khủng bố 2 loại chướng ngại trong ngoài

26_ Thỉnh Nhất Thiết Thiên Long Chân Ngôn:

OM_ ABHISAMAYA VAJRE DHARA DHARA HŪM

OM: nhiếp triệu

ABHISAMAYA VAJRE: Hiện chứng như Kim Cương

DHARA DHARA: trì giữ, cầm nắm

HŪM: quyết định thành tựu

27_ Thỉnh Tứ Thiên Vương Đẳng Chân Ngôn:

OM_ MAṆI VEGA VATI HŪM

OM: nhiếp triệu

MAṆI VEGA VATI: đầy đủ tốc lực của viên ngọc Như Ý

HŪM: quyết định thành tựu

28_ Gia Trì Đệ Tử Chân Ngôn:

OM_ ŚUBHA MAṆI HULU HULU HŪM

OM: nhiếp triệu

ŚUBHA MAṆI: viên ngọc Như Ý của nghiệp thanh tịnh

HULU HULU: mau chóng, mau chóng

HŪM: quyết định thành tựu

29_ Gia Tri Đệ Tử khiến Đệ Tử Nhập Đản Chân Ngôn:

**OM SARVA TATHĀGATA-HRDAYA VAJRINI DHARA DHARA
HŪM HŪM**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-HRDAYA VAJRINI: Trí Tuệ sắc bén như Kim Cương
của Tâm các Như Lai

DHARA DHARA: trì giữ, cầm nắm

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

30_ Hiến Nhất Thiết Phật Nhất Thiết Bồ Tát Chư Thiên Đẳng Thực Chân Ngôn:

OM VĪRA VĪRA-JE GAGANA VĀHINĪ LAHU LAHU HŪM

OM: nhiếp triệu

VĪRA: dừng mãi

VĪRA JE: như sinh ra sự dừng mãi

GAGANA VĀHINĪ LAHU LAHU: nhẹ nhàng, dịu dàng như sông suối hư
không

HŪM: quyết định thành tựu

31_ Hộ Thân Chân Ngôn:

OM MAṆI SUMBHA NIRVEGA VATI RAKṢA RAKṢA MAṆI HŪM

OM: nhiếp triệu

MAṆI SUMBHA NIRVEGA VATI: đầy đủ sự chẳng rối loạn của vương quốc
Ma Ni

RAKṢA RAKṢA MAṆI: ủng hộ cho con và chúng sinh

HŪM: quyết định thành tựu

32_ Phụng Tống Chư Thánh Chúng Chân Ngôn:

**OM SARVA-TATHĀGATA KULODITE SMARA VIGATE JVALA
JVALA HŪM HŪM SVĀHĀ**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-KULODITE: như sự cao cả của Như Lai Tộc

SMARA VIGATE: như ghi nhớ thú hương

JVALA JVALA: uy quang tỏa sáng

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

33_ Quán Đỉnh Đệ Tử Chân Ngôn:

**OM MAHĀ-VIPULA PRATIṢṬITA SIDDHE ABHIṢIṂCA MAṆI
SARVA TATHĀGATA ABHIṢEKEḤ BHARA BHARA SAMBHARA HŪM
HŪM**

OM: nhiếp triệu

MAHĀ-VIPULA PRATIṢṬITA SIDDHE: như sự thành tựu an trụ rất rộng lớn

ABHIṢIṂCA MAṆI: quán đỉnh cho tôi

SARVA TATHĀGATA ABHIṢEKEḤ: tất cả Như Lai quán đỉnh

BHARA BHARA: đảm nhận, đảm nhận

SAMBHARA: chân chính đảm nhận

HŪM HŪM: quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

34_Hộ Ma Chân Ngôn:

OM SVĀHĀ PATI BHŪR BHUVAḤ HŪM HŪM PHAT SVĀHĀ

OM: Nhiếp triệu

SVĀHĀ: Hỏa Thần Nữ

PATI: vị chủ tể

BHŪR BHUVAḤ HŪM HŪM: khùng bố chướng ngại trên mặt đất với hư không

PHAT: phá bại mọi chướng ngại

SVĀHĀ: thành tựu viên mãn

III Quyển Hạ:

1_Phổ Lễ Chân Ngôn:

OM MAṆI MAṆI PRAVARA PRAVARE GUHYA PADME MAHĀ-PRABHE SVĀHĀ

OM: nhiếp triệu

MAṆI MAṆI: Ma Ni, Ma Ni... biểu thị cho Phước Trí

PRAVARA PRAVARE: Thù thắng, như sự thù thắng

GUHYA PADME: như hoa sen bí mật

MAHĀ- PRABHE: như ánh sáng lớn

SVĀHĀ: thành tựu tốt lành

2_Phổ Biện Quang Minh Bảo Thanh Tịnh Như Lai Tâm Ấn Chân Ngôn:

OM SARVA-TATHĀGATA-HRDAYA MAṆI JVALATE ĀVIṢṬAYA HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA-HRDAYA: Tâm của tất cả Như Lai

MAṆI JVALATE ĀVIṢṬAYA: tràn đầy như tính uy quang của viên ngọc Như Ý

HŪM: quyết định thành tựu

3_An Ủy Nhất Thiết Như Lai Ấn Chân Ngôn:

OM SARVA-TATHĀGATA PRAVARA UGRA MAṆI HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA PRAVARA: sự thù thắng của tất cả Như Lai

UGRA MAṆI HŪM: thành tựu viên ngọc Như Ý tối thượng

4_Nhất Thiết Như Lai Phổ Biện Đại Bảo Tam Muội Gia Bí Mật Ấn Chân Ngôn:

OM SARVA-TATHĀGATA ABHISAMBODHANA VAJRE HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA ABHISAMBODHANA: tất cả Như Lai hiện chứng

VAJRE: như Kim Cương

HŪM: quyết định thành tựu

5_Nhất Thiết Như Lai Trang Nghiêm Đại Bảo Quang Gia Trì Bí Mật Đại Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA TATHĀGATA ADHIṢṬĀNA MAṆI MAṆI HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA ADHIṢṬĀNA: Thân Lực của tất cả Như Lai

MAṆI MAṆI: Ma Ni, Ma Ni... biểu thị cho Phước Trí

HŪM PHAṬ: khủng bố phá bại mọi chướng ngại

6_ Như Lai Bảo Đại Kim Cương Ấn Lập Kim Cương Sư Tử Tòa Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA-TATHĀGATA PRAVARA MAṆI RUCIRE HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA PRAVARA: sự thù thắng của tất cả Như Lai

MAṆI RUCIRE: như ánh sáng màu nhiệm của viên ngọc Như Ý

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHAṬ: phá bại chướng nạn

7_ Nhất Thiết Như Lai Đại Bảo Xuất Sinh Quán Đỉnh Đại Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA-TATHĀGATA VIMALA SAMBHAVE HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA VIMALA SAMBHAVE: Như phát sinh sự thanh tịnh của tất cả Như Lai

HŪM HŪM: quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

8_ Nhất Thiết Như Lai Quang Minh Đại Bảo Tội Ma Xí Nhiên Pháp Luân Thân Thông Gia Trì Đại Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA TATHĀGATA-SAMAYA MAṆI-VAJRE HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA TATHĀGATA-SAMAYA: Thệ Nguyện của tất cả Như Lai

MAṆI-VAJRE: như tính bền chắc không hư hoại của viên ngọc Như Ý

HŪM HŪM: quyết định thành tựu Tâm Bồ Đề

9_ Vô Năng Thắng Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA-TATHĀGATA JAYA VIJAYA AJITA VAJRE HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA JAYA VIJAYA AJITA VAJRE: Như tính bền chắc không thể hư hoại của sự thù thắng, tối thắng, không thể thắng của tất cả Như Lai

HŪM HŪM: khủng bố 2 Chướng ngại trong ngoài

11_ Nhất Thiết Như Lai Chuyển Pháp Luân Ấn Chân Ngôn:

OM_ SARVA-TATHĀGATA DHARMA-DHĀTU MAHĀ-MAṆI ŚIKHARE HARA HARA HŪM HŪM PHAṬ

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA DHARMA-DHĀTU MAHĀ-MAṆI-ŚIKHARE: như Đại Ma Ni Đỉnh trong Pháp Giới của tất cả Như Lai

HARA HARA: khử trừ hai chướng trong ngoài

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHAṬ: phá bại mọi chướng nạn

12_ Kim Cương Thủ Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

**OM_ SARVA-TATHĀGATA MAHĀ-VAJRĀ JVARA DHARA DHARA
HŪM HŪM PHAT**

OM: nhiếp triệu

SARVA-TATHĀGATA MAHĀ-VAJRĀ JVALA: Uy quang Đại Kim Cương
của tất cả Như Lai

DHARA DHARA: gìn giữ, cầm nắm

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng trong ngoài

PHAT: phá bại mọi chướng nạn

13_ Bảo Kim Cương Bồ Tát Ấn Chân Ngôn:

**OM_ DHURU DHURU MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI VICYU MAṆI
SVĀHĀ**

OM: nhiếp triệu

DHURU DHURU: lóe sáng, gom giữ tiêu đề

MAṆI MAṆI MAHĀ-MAṆI: Ma Ni, Ma Ni, Đại Ma Ni... biểu thị cho Phước
Trí của 3 Thừa

VICYU: lia bỏ mọi sự thấp hèn

MAṆI SVĀHĀ: thành tựu viên ngọc Như Ý

14_ Tứ Đại Thiên Vương Ấn Chân Ngôn:

OM_ LOKAPĀLITE JAYA JAYA HŪM

OM: nhiếp triệu

LOKAPĀLITE: như tính thủ hộ Thế Giới

JAYA JAYA: thù thắng, tôn thắng

HŪM: khủng bố mọi chướng nạn

15_ Cát Tường Thiên Nữ Ấn Chân Ngôn:

OM_ VIMALA AGRA VATI SAMBHĀRA HŪM

OM: nhiếp triệu

VIMALA AGRA VATI: đầy đủ sự tối thắng thanh tịnh

SAMBHĀRA HŪM: thành tựu Tư Lương

16_ Hương Khí Ni Thiên Nữ Ấn Chân Ngôn:

OM_ DAMṢṬRIṆI VISARA HŪM

OM: nhiếp triệu

DAMṢṬRIṆI: tên của Dạ Xoa Nữ có răng nanh bén nhọn

VISARA: xé nát mọi chướng ngại

HŪM: khủng bố mọi chướng ngại

17_ Sứ Giả Thiên Nữ Ấn Chân Ngôn:

OM_ ĀGAMAYA DHĪRA MAṀ CAṬ-ĀṬṬA-HĀSINI HŪM

OM: nhiếp triệu

ĀGAMAYA DHĪRA MAṀ: tôi an định sự khởi nguyên

CAṬ-ĀṬṬA-HĀSINI: sinh ra sự cười vui cùng nhau

HŪM: quyết định thành tựu

18_ Mạn Đà La Trung Nhất Thiết Thánh Chúng Ấn Chân Ngôn:

OM_ SAMANTĀKĀLA PARIPŪRAṆI DHĀKA DHĀKA HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SAMANTĀKĀLA PARIPŪRAṆI: đầy đủ khắp cả mọi hình tướng

DHĀKA DHĀKA: Trụ cột của 2 loại Phước Trí trang nghiêm

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng ngại trong ngoài

19_ Hoa Xi Thiên Nữ Ân Chân Ngôn:

OM_ SARA SARA VISARA HŪM HŪM

OM: nhiếp triệu

SARA SARA: kiên cố, cực kiên cố

VISARA: xé nát mọi chướng ngại

HŪM HŪM: khủng bố 2 chướng ngại trong ngoài

03/07/2016